

• 6th Floor, Golden Bridge Build., Chungjeongno 3-ga, No.222,
• Seodaemun-Gu, Seoul, 120-708, Korea
• Tel: (82-2) 364-3661; Fax: (82-2) 364-3664;
• HP: (82-10) 4342-6868; Email: kr@moit.gov.vn; trungct@moit.gov.vn

Thương vụ Việt Nam tại Hàn Quốc

Báo cáo nghiên cứu thị trường gạo Hàn Quốc



Mục lục

Tình hình sản xuất và nhu cầu tiêu thụ gạo của Hàn Quốc	3
Chính sách đối với sản xuất và mua bán gạo của Chính phủ Hàn Quốc	6
1. Chính sách hỗ trợ sản xuất	6
2. Hoạt động thu mua lúa gạo của Chính phủ theo Chương trình Dự trữ Ngũ cốc	7
3. Hoạt động thu mua của các nhà máy xay xát gạo	8
4. Cơ chế nhập khẩu gạo vào Hàn Quốc	8
Tình hình xuất khẩu gạo của Việt Nam vào Hàn Quốc và các đối thủ cạnh tranh trên thị trường	10

Tình hình sản xuất và nhu cầu tiêu thụ gạo của Hàn Quốc

Dự báo vụ mùa 2015/2016, sản lượng gạo của Hàn Quốc vào khoảng 4 triệu tấn, giảm 6% so với mức sản lượng 4,24 triệu tấn của vụ mùa 2014/2015. Theo một khảo sát gần đây của Viện Kinh tế Nông thôn Hàn Quốc, diện tích gieo trồng dự kiến sẽ giảm khoảng 1,8% xuống còn 801.000 héc-ta. Năng suất thu hoạch dự kiến sẽ vào khoảng 4,93 – 5,09 tấn/héc-ta.

Bảng 1: Sản lượng, diện tích và năng suất thu hoạch lúa gạo của Hàn Quốc

Vụ mùa	Diện tích (1.000 héc-ta)	Năng suất (tấn/héc-ta)	Sản lượng (1.000 tấn gạo trắng)
2006	955	4,89	4.680
2007	950	4,64	4.408
2008	936	5,18	4.843
2009	925	5,32	4.916
2010	892	4,82	4.295
2011	854	4,95	4.224
2012	849	4,72	4.006
2013	833	5,08	4.230
2014	816	5,20	4.241
2015	801	5,00	4.000

Nguồn: Bộ Nông nghiệp, Lương thực và Nông thôn Hàn Quốc (MAFRA)

Dự báo tiêu thụ gạo của Hàn Quốc trong vụ mùa 2015/2016 sẽ đạt 4,4 triệu tấn, giảm 4% so với năm trước. Nhập khẩu gạo chiếm khoảng 9% tổng dung lượng tiêu thụ của thị trường.

Người tiêu dùng Hàn Quốc chủ yếu sử dụng chủng loại gạo hạt tròn trong bữa ăn hàng ngày. Khoảng 79% sản lượng gạo nội địa (toàn bộ là gạo hạt tròn) được sử dụng làm lương thực trong bữa ăn hàng ngày của người tiêu dùng Hàn Quốc. Lượng tiêu thụ gạo bình quân đầu người tại Hàn Quốc đang tiếp tục có xu hướng giảm xuống do thay đổi trong thói quen ăn uống vì mức thu nhập tăng lên và các loại thực phẩm phương Tây đang ngày càng trở nên phổ biến hơn. Lượng gạo tiêu thụ bình quân đầu người đã từng đạt mức kỷ lục là 136,4 kg/người vào năm 1970 nay giảm xuống 65,1 kg/người vào năm 2014 và dự kiến chỉ còn 62,7 kg/người vào năm 2015.

Theo một khảo sát của Viện Nghiên cứu Nông thôn Hàn Quốc, Chỉ có 2,2% số người trả lời cho biết họ thỉnh thoảng hoặc thường xuyên mua gạo nhập khẩu. Khi được hỏi trong tương lai gần có dự định dùng gạo nhập khẩu hay không, chỉ 4,1% trả lời là có trong khi 83,2% trả lời là không. Những người tiêu dùng ở lứa tuổi 30 có phản ứng tích cực nhất đối với gạo nhập khẩu với

•
•
•
•
•

25% trả lời là có. Đây là nhóm tuổi đại diện cho một thế hệ là khách hàng tiềm năng đối với gạo nhập khẩu.

Mặc dù lượng gạo dùng cho ngành thực phẩm chế biến chỉ chiếm khoảng 12% tổng nhu cầu tiêu thụ gạo của thị trường Hàn Quốc, con số này có xu hướng tăng lên trong những năm gần đây. Trong năm 2015, dự kiến nhu cầu tiêu thụ gạo của ngành thực phẩm chế biến duy trì ở mức 460.000 tấn gạo đã xát, trong khi nhu cầu tiêu thụ gạo của ngành sản xuất rượu có thể tăng cao do kế hoạch bán để giảm lượng tồn kho gạo cũ.

Bảng 2: Tiêu thụ gạo của Hàn Quốc phân theo mục đích sử dụng

Đơn vị: 1.000 tấn gạo trắng

Vụ mùa (tháng 11-tháng 10)	2012/2013	2013/2014	2014/2015	2015/2016
Gạo lương thực	3.435	3.403	3.280	3.220
Gạo dùng cho chế biến	526	535	550	600
- Chế biến thực phẩm	470	457	460	460
- Sản xuất rượu	56	78	90	140
Giống	36	35	35	35
Mục đích khác và hao hụt	494	512	583	500
Tổng nhu cầu	4.491	4.422	4.448	4.355
Tiêu thụ bình quân đầu người	67,2	65,1	63,9	62,7

Nguồn: Bộ Nông nghiệp, Lương thực và Nông thôn Hàn Quốc (MAFRA)

Bảng 3: Tiêu thụ gạo dùng cho chế biến phân theo đầu mối sử dụng

Đơn vị: 1.000 tấn gạo trắng

Đầu mối	2010/2011	2011/2012	2012/2013	2013/2014
Hiệp hội Thực phẩm từ gạo	234	248	246	227
Hiệp hội Cồn và Rượu	244	148	56	78
Khác	166	170	224	238
Tổng cộng	644	566	526	535

Nguồn: Hiệp hội Thực phẩm từ gạo Hàn Quốc, Hiệp hội Cồn và Rượu Hàn Quốc

Bảng 4: Tiêu thụ gạo dùng cho chế biến của các thành viên Hiệp hội Thực phẩm từ gạo Hàn Quốc

Đơn vị: tấn gạo trắng

Năm	Gạo trong nước	Gạo nhập khẩu	Tổng cộng
2005	215	96.020	96.235
2006	67	97.250	97.317

Năm	Gạo trong nước	Gạo nhập khẩu	Tổng cộng
2007	210	101.064	101.274
2008	572	109.552	110.124
2009	806	131.344	132.150
2010	24.887	154.821	179.708
2011	125.910	108.215	234.125
2012	147.462	100.249	247.711
2013	118.344	127.544	245.888
2014	63.654	162.893	226.547

Nguồn: Hiệp hội Thực phẩm từ gạo Hàn Quốc

Bảng 5: Tiêu thụ gạo dùng cho chế biến phân theo sản phẩm của các thành viên Hiệp hội Thực phẩm từ gạo Hàn Quốc

Sản phẩm	Khối lượng (tấn gạo trắng)	Tỷ trọng (%)
Bánh/Mỳ sợi	89.538	40
Cồn	43.596	19
Tinh bột	68.870	30
Nước sốt/Chất ngọt	4.515	2
Bánh kẹo	11.066	5
Khác	8.962	4
Tổng cộng	226.547	100

Nguồn: Hiệp hội Thực phẩm từ gạo Hàn Quốc

Giá gạo lương thực bán trên thị trường Hàn Quốc có xu hướng giảm nhẹ kể từ năm 2013. Giá gạo chất lượng cao bán buôn trên thị trường đã giảm từ 2.200 won/kg (khoảng 2,07 USD/kg) vào tháng 1/2013 xuống còn 2.048 won/kg (khoảng 1,87 USD/kg) vào tháng . Tương ứng trong khoảng thời gian đó, giá gạo bán lẻ trên thị trường cũng đã giảm từ 2.311 won/kg (2,17 USD/kg) xuống còn 2.256 USD/kg (2.05 USD/kg).

Bảng 6: Giá gạo chất lượng cao bán buôn trên thị trường Hàn Quốc

Tháng/Năm	2013		2014		2015	
	Won/kg	USD/kg	Won/kg	USD/kg	Won/kg	USD/kg
Tháng 1	2.200	2,07	2.180	2,05	2.070	1,90
Tháng 2	2.200	2,03	2.180	2,03	2.069	1,88
Tháng 3	2.204	2,00	2.180	2,04	2.048	1,87
Tháng 4	2.210	1,97	2.169	2,08	-	-
Tháng 5	2.213	2,00	2.137	2,09	-	-
Tháng 6	2.220	1,96	2.130	2,09	-	-
Tháng 7	2.220	1,97	2.130	2,09	-	-
Tháng 8	2.220	1,99	2.130	2,08	-	-
Tháng 9	2.220	2,05	2.215	2,06	-	-

•
•
•
•
•

Tháng/Năm	2013		2014		2015	
	Won/kg	USD/kg	Won/kg	USD/kg	Won/kg	USD/kg
Tháng 10	2.222	2,09	2.076	1,96	-	-
Tháng 11	2.183	2,15	2.088	1,91	-	-
Tháng 12	2.180	2,06	2.073	1,88	-	-
Trung bình	2.208	2,02	2.133	2,03	-	-

Nguồn: Trung tâm Thông tin Thị trường Nông nghiệp Hàn Quốc (KAMIS)

Bảng 7: Giá gạo chất lượng cao bán lẻ trên thị trường Hàn Quốc

Tháng/Năm	2013		2014		2015	
	Won/kg	USD/kg	Won/kg	USD/kg	Won/kg	USD/kg
Tháng 1	2.311	2,17	2.321	2,18	2.277	2,09
Tháng 2	2.325	2,14	2.323	2,17	2.263	2,06
Tháng 3	2.329	2,12	2.307	2,16	2.256	2,05
Tháng 4	2.341	2,09	2.293	2,20	-	-
Tháng 5	2.331	2,10	2.289	2,24	-	-
Tháng 6	2.340	2,06	2.275	2,23	-	-
Tháng 7	2.334	2,07	2.245	2,20	-	-
Tháng 8	2.341	2,10	2.236	2,18	-	-
Tháng 9	2.340	2,16	2.262	2,19	-	-
Tháng 10	2.343	2,20	2.320	2,19	-	-
Tháng 11	2.346	2,31	2.301	2,10	-	-
Tháng 12	2.336	2,21	2.283	2,07	-	-
Trung bình	2.335	2,13	2.288	2,17	-	-

Nguồn: Trung tâm Thông tin Thị trường Nông nghiệp Hàn Quốc (KAMIS)

Chính sách đối với sản xuất và mua bán gạo của Chính phủ Hàn Quốc

1. Chính sách hỗ trợ sản xuất

Người nông dân Hàn Quốc nhận được hai hình thức hỗ trợ thu nhập từ Chính phủ Hàn Quốc theo Luật Bù đắp Thu nhập trồng lúa là hỗ trợ theo diện tích canh tác và hỗ trợ chênh lệch giá. Năm 2014, tổng giá trị hỗ trợ của Chính phủ Hàn Quốc dành cho người nông dân vào khoảng 901 triệu USD cho cả hai hình thức hỗ trợ. Năm 2014 cũng là năm đầu tiên trong vòng 4 năm trở lại đây người nông dân Hàn Quốc nhận được hỗ trợ chênh lệch giá do các điều kiện cần thiết được đáp ứng.

Hỗ trợ theo diện tích canh tác: Khoản hỗ trợ này được tính toán trên cơ sở diện tích canh tác lúa trung bình trong giai đoạn 1998-2000. Mức hỗ trợ trung

bình năm 2014 là khoảng 856 USD/héc-ta và tổng diện tích canh tác được hỗ trợ là 835.000 héc-ta. Quốc hội và Chính phủ Hàn Quốc cũng đã nhất trí sẽ tăng mức hỗ trợ cho vụ mùa 2015 và các năm tiếp theo lên 951 USD/héc-ta.

Hỗ trợ chênh lệch giá: Hỗ trợ chênh lệch giá được tính bằng 85% mức chênh lệch giá giữa mức giá thị trường trung bình và mức giá mục tiêu, trừ đi khoản hỗ trợ theo diện tích. Trong năm 2014, do mức giá mua lúa gạo của người nông dân là 1,98 USD/kg thấp hơn mức giá mục tiêu là 2,23 USD/kg, trung bình người nông dân Hàn Quốc được hỗ trợ 53.000 won cho mỗi tấn gạo họ sản xuất (tương đương khoảng hơn 50 USD/tấn).

2.. Hoạt động thu mua lúa gạo của Chính phủ theo Chương trình Dự trữ Ngũ cốc (PFSP)

Nhằm đảm bảo an ninh lương thực và bình ổn giá, Chính phủ Hàn Quốc tiến hành mua lúa gạo trong nước tại thời điểm thu hoạch (tháng 10-tháng 12) theo giá thị trường trung bình và bán lại ra thị trường tại các thời điểm sau thu hoạch theo mức giá phổ biến trên thị trường. Trong giai đoạn tháng 10 đến tháng 12 năm 2014, Chính phủ Hàn Quốc đã mua tổng cộng 533.000 tấn lúa gạo, tương đương khoảng 13% sản lượng gạo thu hoạch trong năm.

Bảng 8: Lượng gạo thu mua theo Chương trình Dự trữ Ngũ cốc của Chính phủ Hàn Quốc và của các nhà máy xay xát gạo

Năm thu hoạch	Sản lượng (1.000 tấn)	PFSP		NACF	
		Khối lượng (1.000 tấn)	Tỷ trọng (%)	Khối lượng (1.000 tấn)	Tỷ trọng (%)
2005	4.768	719	15,1	1.071	22
2006	4.680	504	10,8	1.306	28
2007	4.408	417	9,5	1.227	28
2008	4.843	400	8,3	1.617	33
2009	4.916	370	7,5	1.950	40
2010	4.295	340	7,9	1.380	32
2011	4.224	261	6,2	1.327	31
2012	4.006	363	9,1	1.331	33
2013	4.230	367	8,7	1.465	35
2014	4.241	533	12,6	1.649	39

Ghi chú: PFSP – Chương trình Dự trữ Ngũ cốc của Chính phủ Hàn Quốc
NACF –Liên hiệp các Hợp tác xã Nông nghiệp Hàn Quốc

Nguồn: Bộ Nông nghiệp, Lương thực và Nông thôn Hàn Quốc (MAFRA)
Liên hiệp các Hợp tác xã Nông nghiệp Hàn Quốc (NACF)

Bên cạnh đó, Chính phủ Hàn Quốc cũng tiến hành mua 30.000 tấn gạo theo Quỹ Dự trữ Gạo khẩn cấp ASEAN+3 nhằm hỗ trợ cho các nước thành viên tham gia Quỹ trong trường hợp gặp thiên tai. Tổng khối lượng gạo dự trữ

•
•
•
•
•

được 13 nước thành viên tham gia cam kết là 787.000 tấn, trong đó Hàn Quốc cam kết đóng góp 150.000 tấn.

3. Hoạt động thu mua của các nhà máy xay xát gạo

Các nhà máy xay xát gạo đã mua tổng cộng 2 triệu tấn gạo theo chương trình cho vay không lãi suất của Liên hiệp các Hợp tác xã Nông nghiệp Hàn Quốc (NACF) tại thời điểm thu hoạch. Các nhà máy xay xát gạo là thành viên của Liên hiệp các Hợp tác xã Nông nghiệp Hàn Quốc đã mua 1,6 triệu tấn gạo, các nhà máy xay xát độc lập đã mua 400.000 tấn gạo. Chính phủ Hàn Quốc cũng có chương trình cho vay ưu đãi hỗ trợ các nhà máy xay xát với mức lãi suất từ 0% đến 2% tùy theo kết quả đánh giá về các nhà máy trên cơ sở hướng dẫn của chính phủ.

4. Cơ chế nhập khẩu gạo vào Hàn Quốc

Theo kết quả đàm phán với các nước thành viên WTO, Hàn Quốc được phép duy trì cơ chế tiếp cận thị trường tối thiểu (MMA) với mặt hàng gạo từ năm 1995 đến năm 2014 (đã gia hạn một lần vào năm 2005). Theo cơ chế này, hàng năm Hàn Quốc được phép duy trì hạn ngạch nhập khẩu đối với mặt hàng gạo với lượng hạn ngạch tăng dần hàng năm theo lộ trình. Lượng hạn ngạch mà Hàn Quốc cam kết nhập khẩu năm 2014 là 408.700 tấn, tương đương khoảng 7,96% nhu cầu tiêu thụ trong nước, trong đó 30% lượng nhập khẩu là gạo ăn, 70% còn lại là gạo dùng để chế biến.

Trong số 408.700 tấn gạo nhập khẩu, Hàn Quốc cam kết dành riêng hạn ngạch nhập khẩu 205.228 tấn (Country Specific Quota - CSQ) cho bốn quốc gia là Trung Quốc, Hoa Kỳ, Thái Lan và Úc theo thỏa thuận với các nước khi Hàn Quốc tiến hành đàm phán gia hạn áp dụng MMA vào năm 2004. Lượng hạn ngạch còn lại (203.472 tấn) dành cho tất cả các nước thông qua đấu thầu (Global Quota - GQ). Đơn vị duy nhất của Hàn Quốc phụ trách đấu thầu là Tổng công ty Thương mại Nông Thủy sản và Lương thực Hàn Quốc (aT). Đây là một doanh nghiệp nhà nước được Chính phủ Hàn Quốc giao phụ trách việc nhập khẩu gạo theo hạn ngạch.

Trước khi cơ chế MMA hết hạn, Hàn Quốc đã đệ trình lên WTO dự thảo về việc sửa đổi cam kết nhập khẩu gạo của mình trong WTO, theo đó Hàn Quốc sẽ áp dụng chế độ hạn ngạch thuế quan đối với nhập khẩu gạo kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 với mức thuế suất trong hạn ngạch là 5%, thuế ngoài hạn ngạch là 513%, lượng hạn ngạch bằng với hạn ngạch MMA năm 2014 là 408.700 tấn. Lượng hạn ngạch này không còn chia thành hạn ngạch riêng cho một số nước và hạn ngạch chung nữa mà tất cả đều thực hiện theo nguyên tắc MFN. Việc sử dụng hạn ngạch được thực hiện theo quy chế đấu thầu với một đầu mối duy nhất là Tổng công ty Thương mại Nông Thủy sản và Lương thực Hàn Quốc (aT) thực hiện tương tự như trước đây. Quy định về tỷ lệ 30%

lượng nhập khẩu là gạo lương thực cũng bị bãi bỏ. Tuy nhiên, 5 thành viên của WTO là Trung Quốc, Hoa Kỳ, Thái Lan, Úc và Việt Nam đang bảo lưu ý kiến đối với đề xuất sửa đổi của Hàn Quốc về tiếp cận thị trường đối với mặt hàng gạo. Dự kiến Hàn Quốc sẽ tiến hành tham vấn song phương với 5 thành viên này để giải quyết các khác biệt giữa hai bên. Trong thời gian đó, Hàn Quốc sẽ áp dụng cơ chế nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan mà họ đã đề xuất.

Quy định về đấu thầu nhập khẩu gạo của aT do aT chủ động xây dựng tiềm ẩn một số rủi ro đối với các doanh nghiệp xuất khẩu gạo của các nước, trong đó có các doanh nghiệp xuất khẩu gạo của Việt Nam. Một số rủi ro phát sinh có thể bao gồm:

- Việc đấu thầu thông qua một đầu mối duy nhất là aT. aT có kế hoạch nhập khẩu tổng thể công bố từ đầu năm nhưng các đợt mời thầu chỉ được công bố công khai trước khi mở thầu một thời gian ngắn (khoảng 2 tuần), đồng thời hồ sơ dự thầu yêu cầu nhiều thông tin và phải chuẩn bị bằng tiếng Hàn nên các doanh nghiệp không có đủ thời gian chuẩn bị. Việc đấu thầu phải thông qua một số ít công ty thương mại Hàn Quốc có đủ điều kiện đóng vai trò đại lý trực tiếp bỏ thầu. Các công ty này cũng phải liên hệ chặt chẽ với aT từ trước mới có thể có đủ thông tin để tham gia đấu thầu. Vì vậy, trên thực tế xuất khẩu gạo sang Hàn Quốc phụ thuộc vào kế hoạch hoạt động kinh doanh của các công ty này.

- Doanh nghiệp phải nộp ngay tiền đặt cọc đấu thầu tương đương 5% trị giá đấu thầu và tiền đặt cọc thực hiện hợp đồng tương đương 10% trị giá hợp đồng sau khi đã thắng thầu, trong khi từ từ thời điểm trúng thầu đến thời hạn giao hàng khoảng 5 tháng vì vậy chỉ có những công ty có khả năng tài chính mạnh mới có thể dự thầu

- Mặc dù hợp đồng mua bán thực hiện theo điều kiện CIF nhưng một số quy định về giám định hàng hóa (giám định ở cả nước xuất khẩu cũng như ở nước nhập khẩu), thời điểm hoàn thành nghĩa vụ giao hàng (sau khi hàng đã tiến hành kiểm dịch, kiểm tra chất lượng và thông quan hải quan tại nước nhập khẩu), trách nhiệm khiếu nại bảo hiểm khi hàng hóa bị hư hại trên đường vận chuyển (chuyển giao cho người bán) mở rộng thêm trách nhiệm của người bán ra ngoài phạm vi của điều kiện CIF và làm tăng thêm rủi ro đối với người bán.

- Các điều khoản phạt vi phạm hợp đồng đối với người bán rất chặt chẽ và chi tiết.

- Các quy chuẩn kỹ thuật đối với gạo nhập khẩu được xây dựng trên tiêu chuẩn gạo Hoa Kỳ có sửa đổi nên có một số tiêu chí không thật sự phù hợp với gạo Việt Nam như tỷ lệ bạc bụng, tỷ lệ chiều dài hạt gạo.

•
•
•
•
•

Với thuế suất nhập khẩu ngoài hạn ngạch lên đến 513%, nhập khẩu gạo vào Hàn Quốc trong thời gian tới vẫn sẽ tiếp tục thực hiện theo chế độ đấu thầu hạn ngạch thuế quan thông qua một đầu mối duy nhất là Tổng công ty Thương mại Nông Thủy sản và Lương thực Hàn Quốc (aT). Theo kế hoạch nhập khẩu năm 2015 cũng như các năm tiếp theo, Hàn Quốc sẽ nhập 408.700 tấn gạo mỗi năm theo hạn ngạch thuế quan với thời gian tổ chức đấu thầu từ tháng 1 đến tháng 10. Theo thông lệ, mỗi tháng aT sẽ tổ chức khoảng 1 đến 2 phiên đấu thầu công khai, tuy nhiên lịch này có thể điều chỉnh tùy điều kiện thực tế. Trước mỗi phiên đấu thầu khoảng 2 tuần, aT sẽ công bố các thông tin chi tiết về số lượng, chủng loại và quy cách đối với từng đợt mở thầu.

Mặc dù về nguyên tắc, các doanh nghiệp xuất khẩu gạo của các nước có thể tham gia đấu thầu trực tiếp, tuy nhiên những rào cản về ngôn ngữ và giới hạn về thời gian nộp hồ sơ khiến tất cả các doanh nghiệp xuất khẩu gạo đều phải hợp tác với một doanh nghiệp thương mại Hàn Quốc đủ điều kiện và kinh nghiệm, các doanh nghiệp này đóng vai trò là một đại lý sở tại cho các doanh nghiệp xuất khẩu. Các doanh nghiệp thương mại Hàn Quốc hiện đang thực hiện vai trò này gồm có LG Trading, Sing Song, Daewoo Trading, Samsung Trading, Hyolim, D&B, Hanhwa, Seo-mok, GS Global.

Gạo nhập khẩu dùng làm lương thực sẽ được aT bán ra thị trường thông qua hệ thống bán đấu giá công khai, trong khi gạo nhập khẩu dùng cho chế biến thực phẩm và đồ uống có cồn sẽ được Bộ Nông nghiệp, Lương thực và Nông thôn Hàn Quốc phân phối cho các doanh nghiệp sử dụng theo mức giá cố định được giữ nguyên trong năm.

Tình hình xuất khẩu gạo của Việt Nam vào Hàn Quốc và các đối thủ cạnh tranh trên thị trường

Do cơ chế MMA có sự phân biệt đối xử giữa các nước xuất khẩu theo hạn ngạch riêng và hạn ngạch chung, xuất khẩu gạo của Việt Nam sang Hàn Quốc vẫn còn ở mức độ khiêm tốn. Khi Hàn Quốc áp dụng MMA lần thứ nhất (1995-2004), chỉ duy nhất năm 1999 Việt Nam xuất được 9.000 tấn gạo sang Hàn Quốc. Khi Hàn Quốc áp dụng MMA lần thứ hai (2005-2014), chỉ trong 4 năm gần đây, từ 2011 đến 2014 Việt Nam mới xuất được gạo sang Hàn Quốc. Khối lượng gạo xuất khẩu qua các năm không ổn định, tùy thuộc vào kết quả thắng thầu trong từng năm.

Theo cơ chế hạn ngạch thuế quan mới được Hàn Quốc thực hiện kể từ năm 2015, tính đến ngày 30 tháng 3 năm 2015, Việt Nam đã trúng thầu hai lô gạo xuất khẩu sang Hàn Quốc với tổng khối lượng là 30.000 tấn theo hai hợp đồng của Vinafood 1.

Hầu hết gạo xuất khẩu của Việt Nam sang Hàn Quốc đều là gạo lúc hạt dài dùng cho ngành chế biến thực phẩm.

Bảng 9: Xuất khẩu gạo của Việt Nam sang Hàn Quốc

Năm	1999	2011	2012	2013	2014
Khối lượng XK (MT)	9.000	19.441	45.400	13.800	41.000
Công ty cung cấp (khối lượng- MT)	n/a	Vinafood 1 (15.000) Imex CL (4.441)	Vinafood 1 (25.500) Imex CL (13.700) LG Trading (7.200)	Sing-song HK (3.000) Imex CL (10.800)	Imex CL (11.000) TMC (9.000) Vinafood 1 (21.000)

Nguồn: Báo cáo kết quả đấu thầu gạo vào Hàn Quốc của Cơ quan Nông nghiệp Hải ngoại Hoa Kỳ các năm 2011, 2012, 2013, 2014

Do thuế suất ngoài hạn ngạch đối với gạo nhập khẩu của Hàn Quốc rất cao (513%) nên về cơ bản, nếu không có sự thay đổi trong cơ chế nhập khẩu gạo theo hạn ngạch thuế quan của Hàn Quốc, trong năm 2015 và các năm tiếp theo, nhập khẩu gạo của Hàn Quốc sẽ ổn định ở mức khoảng 410.000 tấn năm, trong đó có 408.700 tấn là nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan. Các đối thủ cạnh tranh của gạo Việt Nam trên thị trường Hàn Quốc sẽ là các nước xuất khẩu gạo truyền thống sang Hàn Quốc như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Thái Lan, Úc cùng với những đối thủ cạnh tranh mới có thể xuất hiện như Myanmar, Campuchia, Pakistan, Ấn Độ. Trong đó, Thái Lan, Myanmar, Campuchia, Pakistan, Ấn Độ là những đối thủ cạnh tranh trực tiếp do cùng cung cấp chủng loại gạo hạt dài. Đồng thời, do Hàn Quốc đã bỏ các quy định ràng buộc về mục đích sử dụng gạo nên các nước xuất khẩu chuyên cung cấp gạo hạt tròn và hạt trung bình như Hoa Kỳ, Trung Quốc và Úc cũng là những đối thủ cạnh tranh tiềm tàng, đặc biệt là Hoa Kỳ và Trung Quốc là hai nước chiếm thị phần lớn nhất trong khối lượng nhập khẩu gạo của Hàn Quốc các năm trước đây.

Bảng 10: Khối lượng gạo trúng thầu nhập khẩu vào Hàn Quốc từ các nước

Đơn vị: tấn gạo trắng

Năm	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Hoa Kỳ	81.346	93.719	101.490	100.901	114.600	60.076
Trung Quốc	159.788	158.570	161.070	166.070	151.439	205.905
Thái Lan	60.310	70.310	50.657	29.963	55.163	62.463
Úc	-	-	-	9.030	23.351	30.256
Việt Nam	-	-	19.441	45.400	13.800	41.000
Ấn Độ	-	-	-	11.642	30.000	9.000
Myanmar	-	-	15.000	5.000	-	-

Nguồn: Cơ quan Nông nghiệp Hải ngoại – Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ

Bảng 11: So sánh giá trúng thầu một số hợp đồng nhập khẩu gạo vào Hàn Quốc

Xuất xứ	Quy cách		Giá trúng thầu (USD/tấn, CIP)			
	Cỡ hạt	Chủng loại	Phẩm cấp	2012	2013	2014
Hoa Kỳ	Trung bình	Trắng	USDA 1	814,89	795,24	1.048
	Trung bình	Trắng	USDA 3	-	760,43	1.009,8
	Trung bình	Lức	USDA 3	705,42	712,63	878,95
Trung Quốc	Ngắn	Trắng	USDA 1	928	918	1.007
	Ngắn	Trắng	USDA 3	918	928	997
	Ngắn	Lức	USDA 3	862	867	927
	Trung bình	Lức	USDA 3	-	-	928
Thái Lan	Dài	Lức	USDA 3	559,92	531,83	487,87
	Dài	Trắng	USDA 1	668,26	636,28	589,89
	Dài (Hom Mali)	Trắng	USDA 1	1.244,16	1.298,69	1.045
	Tầm	Trắng	USDA 4	-	-	382
Úc	Trung bình	Trắng	USDA 1	809	-	1.007
	Trung bình	Trắng	USDA 3	800	-	997
	Trung bình	Lức	USDA 3	713,17	660,41	-
	Ngắn	Lức	USDA 3	-	845,88	-
Việt Nam	Dài	Lức	USDA 3	518,86	459,66	472,72
	Ngắn/Trung bình (Indica)	Lức	USDA 3	-	-	487
	Tầm	Trắng	USDA 4	402	-	-
Ấn Độ	Ngắn/Trung bình (Indica)	Lức	USDA 3	-	517	508,51
	Dài	Lức	USDA 3	514,45	-	-
Myanmar	Tầm	Trắng	USDA 4	359,49	-	-

Nguồn: Cơ quan Nông nghiệp Hải ngoại – Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ

Một số thông tin trong tài liệu được cung cấp trên cơ sở tham khảo các báo cáo về thị trường ngũ cốc Hàn Quốc của Hệ thống Thông tin Nông nghiệp Toàn cầu, Cơ quan Nông nghiệp Hải ngoại, Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ.